Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01 tháng 6

năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Attached to Decision No. 44/2006 / QD-BNN dated June 1 2006 of the Minister of MARD)

LÝ LỊCH GỖ TRÒN

LOG LIST

Kèm theo / Attached ……

số…… ngày…… tháng…… năm…… / No. dated

Số TT / No.	Tên gỗ / Name of wood	Nhóm gỗ / Species group	Số hiệu lóng / Number of log	Dấu búa bài / No. hammer	Chiều dài / Length (m)	Đường kính hoặc vanh / Diameter or perimeter (m)	Khối lượng / Volume (m^3)	Dấu búa kiểm lâm / Ranger's hammer number	Ghi chú / Note

Tổng cộng: số lượng lóng (khúc)…… (bằng chữ……)

Total: Amount of logs (section)…… (say:…)

khối lượng / Volume ……m^3 (bằng chữ ……)

Say:

Đại diện chủ gỗ	Đại diện chủ rừng	Cán bộ đóng búa	Người lập lý lịch
On behalf of wood owner	On behalf of forest owner	Ranger	
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01 tháng 6

năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn / Attached to Decision No. 44/2006 / QD-BNN dated June 1 2006 of the Minister of MARD)

LÝ LỊCH GỖ XẺ

LUMBER LIST

Kèm theo / Attached ……

số…… ngày…… tháng…… năm…… / No. dated

Số TT / No	Tên gỗ / Name of wood	Nhóm gỗ / Species group	Dài / Length (m)	Dày / Thickness (cm)	Rộng / Width (cm)	Số lượng (thanh, tấm) / Quantity (plank)	Khối lượng / Volume (m^3)	Dấu búa KL / Ranger's hammer number	Ghi chú / Note

Tổng cộng: số lượng …… (bằng chữ……)

Total: Quantity …… (say:…)

khối lượng / Volume ……m^3 (bằng chữ ……)

Say:….

Đại diện chủ gỗ	Đại diện chủ rừng	Cán bộ đóng búa	Người lập lý lịch
On behalf of wood owner	On behalf of forest owner	Ranger	
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)